

Số: **636/2024/QĐST-HNGĐ**

Ba Đình, ngày 12 tháng 09 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 616/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 09 năm 2024 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”;

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Trịnh Đình T**, sinh năm 1992.

- Chị **Hoàng Kim H**, sinh năm 1994.

Cùng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: TL, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.  
Cùng có nơi ở tại: 1xx ngõ 1xx H, phường H, quận B, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Trịnh Đình T và chị Hoàng Kim H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 08 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2014), đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 09 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Trịnh Đình T** và chị **Hoàng Kim H**.

2. Về con chung: Anh Trịnh Đình T và chị Hoàng Kim H xác nhận có 02 con chung là cháu Trịnh Đình Q, sinh ngày 18/02/2015 và cháu Trịnh Phúc M, sinh ngày 09/4/2020. Khi ly hôn anh T và chị H thống nhất thỏa thuận: anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trịnh Đình Q và cháu Trịnh Phúc M kể từ tháng 09 năm 2024 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác; chị H có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng/02 con.

Chị Hoàng Kim H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Trịnh Đình T và chị Hoàng Kim H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, anh chị tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

4. Về các khoản vay nợ: Anh Trịnh Đình T và chị Hoàng Kim H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Đình T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số 0030493 ngày 04/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

**II. Hiệu lực của quyết định:** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hoài Phương**